

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành chương trình đào tạo

Ngành Công nghệ truyền thông - Hệ Cao đẳng Chính quy – Khóa 25

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

Căn cứ Quyết định số 859/QĐ-LĐTBXH ngày 06/07/2012 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc cho phép thành lập Trường Cao đẳng nghề Trần Đại Nghĩa;

Căn cứ Quyết định số 657/QĐ-LĐTBXH ngày 09/06/2014; và Quyết định số số 139/QĐ-LĐTBXH ngày 08/02/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc cho phép đổi tên Trường Cao đẳng nghề Công nghệ Sài Gòn thành Trường Cao đẳng Công nghệ Sài Gòn;

Căn cứ Thông tư số 46/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2016 ngày 28/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội về việc ban hành quy định Điều lệ trường Cao đẳng;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/03/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội quy định về việc tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ;

Căn cứ Thông tư số 01/2024/TT-BLĐTBXH ngày 19/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội Quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn lựa chọn, thẩm định, duyệt và sử dụng giáo trình trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

Căn cứ Biên bản số 01/BB-CNSG ngày 06 tháng 03 năm 2025 của Hội đồng Thẩm định chương trình đào tạo ngành Công nghệ truyền thông trình độ Cao đẳng;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Quản lý Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo quyết định này là chương trình đào tạo trình độ Cao đẳng hệ chính quy, Khóa 25 ngành Công nghệ truyền thông.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng các Phòng, Khoa, Tổ bộ môn và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- BGH (để b/c);
- Như điều 3 (để t/h);
- Lưu VT, Phòng QLĐT.



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 35./QĐ-CNSG-ĐT ngày 24 tháng 3 năm 2025
của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công nghệ Sài Gòn)

- Tên ngành, nghề : Công nghệ truyền thông
- Mã ngành, nghề : 6320105
- Trình độ đào tạo : Cao đẳng
- Hình thức đào tạo : Chính quy
- Đối tượng tuyển sinh : Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương.
- Thời gian đào tạo : 2 năm (6 học kỳ).

1. Giới thiệu chung về ngành, nghề

- Công nghệ Truyền thông là ngành học ứng dụng công nghệ trong các lĩnh vực về truyền thông. Mục tiêu của ngành là trang bị giúp sinh viên vận dụng các kiến thức, kỹ năng về công nghệ thông tin, kỹ năng về sản xuất, phát triển, quản trị và kinh doanh các sản phẩm truyền thông, xây dựng và lập trình các ứng dụng;

- Ngoài ra, ngành học này còn nghiên cứu về quá trình tổ chức, quản lý công việc trong lĩnh vực sản xuất truyền thông như sản xuất phim điện ảnh, chương trình phát thanh, truyền hình, phim quảng cáo, multimedia và các thể loại sản phẩm truyền thông hiện đại khác, quá trình kinh doanh truyền thông nghe nhìn gồm kinh doanh và marketing phim ảnh, chương trình, bản quyền nội dung nghe nhìn, thời lượng quảng cáo.

2. Mục tiêu đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Đào tạo nhân lực ngành Công nghệ truyền thông có phẩm chất đạo đức, chính trị vững vàng; có đủ sức khỏe đáp ứng yêu cầu công việc. Sinh viên sau khi tốt nghiệp vận dụng được các kiến thức, kỹ năng về công nghệ thông tin, nắm vững các sản phẩm truyền thông (phát thanh, truyền hình, điện ảnh, đa phương tiện); có kỹ năng biên tập, sáng tạo, quảng cáo truyền thông.

2.2. Mục tiêu cụ thể

2.2.1. Về kiến thức

- Trình bày được vị trí, vai trò của công nghệ truyền thông trong ngành truyền thông và đặc trưng của hoạt động sản xuất sản phẩm công nghệ truyền thông, hiệu ứng xã hội và tác động của các sản phẩm truyền thông đối với công chúng truyền thông;



- Mô tả được cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của bộ phận truyền thông và các bộ phận khác trong cơ quan báo chí, công ty truyền thông, cơ quan, đơn vị có hoạt động truyền thông; mối quan hệ giữa bộ phận truyền thông và các bộ phận liên quan;

- Phân tích được các quy trình nghiệp vụ cơ bản của hoạt động sản xuất sản phẩm truyền thông: thiết kế sản phẩm, sản xuất sản phẩm, phát hành sản phẩm, tương tác với công chúng và các nghiệp vụ khác;

- Mô tả được quy trình lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, giám sát, kiểm tra và đánh giá kết quả công việc tại bộ phận hoạt động báo chí - truyền thông;

- Liệt kê được các công việc cơ bản trong quản lý nhân sự, quản lý cơ sở vật chất, quản lý tài chính, quản lý phát hành... trong công nghệ truyền thông;

- Liệt kê được các loại máy móc, trang thiết bị chủ yếu của các bộ phận trong cơ quan báo chí, công ty truyền thông, cơ quan, đơn vị có hoạt động truyền thông và giải thích công dụng của chúng;

- Trình bày được các nguyên tắc bảo đảm an ninh, an toàn, giải thích được lý do phải tuân thủ các quy định về an ninh, an toàn trong hoạt động sản xuất sản phẩm truyền thông để nhận diện được các nguy cơ và có biện pháp phòng ngừa;

- Hiểu về nguyên lý truyền thông và khai thác dữ liệu trên Internet, các hệ thống truyền thông dữ liệu, truyền thông đa phương tiện; phân tích và thiết kế ứng dụng truyền thông quảng cáo.

- Vận dụng những kỹ năng xử lý dữ liệu hình ảnh, âm thanh, video để xây dựng các ứng dụng truyền thông quảng cáo.

- Trình bày được các kiến thức, hiểu biết về xã hội phục vụ trong truyền thông.

- Hiểu các nguyên lý căn bản phục vụ trong truyền thông, quảng cáo, quan hệ công chúng.

- Phân tích được các kiến thức về quản trị, xây dựng, tổ chức và triển khai nội dung, hoạt động của công tác truyền thông.

- Vận dụng được các phương pháp và kỹ năng để triển khai các hoạt động truyền thông đại chúng và doanh nghiệp;

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.

2.2.2. Về kỹ năng

- Có kỹ năng, kỹ thuật sáng tạo và thực hiện các sản phẩm truyền thông; có khả năng độc lập sáng tạo và tư duy khoa học; biết kết hợp làm việc giữa cá nhân và tập thể trong quy trình sản xuất những sản phẩm truyền hình số đa phương tiện.

- Có khả năng thu thập, phân tích và tổng hợp các yêu cầu từ đối tượng sử dụng, từ đó triển khai các ứng dụng, đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật đặt ra trong điều kiện thực tế.

- Có khả năng tìm kiếm, nghiên cứu kiến thức mới, ứng dụng các kỹ thuật, công cụ mới và thành thạo các kỹ năng để giải quyết những vấn đề chuyên môn của ngành vào thực tiễn.

- Có kỹ năng tổ chức hoạt động nhóm, biết trao đổi chia sẻ ý kiến;

- Có khả năng thuyết trình các vấn đề về chuyên môn được đào tạo; có kỹ năng giao tiếp giữa các cá nhân hiệu quả bằng các phương tiện khác nhau (trực tiếp, văn bản, phương tiện điện tử, truyền thông);

- Có kỹ năng kiểm soát quỹ thời gian, xây dựng kế hoạch và tổ chức công việc hiệu quả;

- Xây dựng được các kế hoạch nghiệp vụ như: kế hoạch sản xuất, kế hoạch nhân sự, kế hoạch phân công công việc, kế hoạch đào tạo và bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, kế hoạch mua sắm trang thiết bị - dụng cụ, kế hoạch tổ chức hội nghị, hội thảo hoặc sự kiện; làm được các loại mẫu biểu, báo cáo, thông cáo, văn bản đối nội, hợp đồng thông dụng của ngành truyền thông;

- Điều hành được các công việc hàng ngày và quản lý thời gian làm việc hiệu quả; giám sát, kiểm tra, đánh giá kết quả công việc đảm bảo đúng quy trình và tiêu chuẩn, phát hiện ra được các nguyên nhân cản trở hoạt động, đề xuất được các giải pháp nhằm nâng cao kết quả, hiệu quả sản xuất, phát hành;

- Ứng dụng công nghệ trong lĩnh vực sản xuất sản phẩm truyền thông; sử dụng đúng, an toàn các loại trang thiết bị phục vụ sản xuất và phát hành sản phẩm báo chí - truyền thông; có ý thức trách nhiệm trong việc sử dụng, bảo quản tài sản trong công ty, cơ quan, đơn vị;

- Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc chuyên môn của ngành, nghề;

- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 2/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào công việc chuyên môn của ngành, nghề.

2.2.3. Về năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm.

- Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong ê-kíp sản xuất, có tinh thần hợp tác với đồng nghiệp để thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao;

- Có tác phong làm việc năng động, khoa học, sáng tạo; có khả năng xử lý các tình huống, giải quyết những vấn đề thông thường khi trong hoạt động truyền thông;

- Có tinh thần trách nhiệm đối với công việc và đối với sản phẩm làm ra;

- Tuân thủ các quy định về pháp luật trong hoạt động báo chí - truyền thông;

- Yêu nghề, gắn bó với nghề nghiệp; nghiêm chỉnh chấp hành điều lệ, quy chế, quy định của cơ quan, doanh nghiệp, công ty nơi đang công tác; có ý thức tổ chức kỉ luật và tinh thần trách nhiệm trong công việc;

- Có phương pháp làm việc khoa học, biết phân tích và chủ động giải quyết các vấn đề nảy sinh trong lĩnh vực hoạt động chuyên môn. Nhạy bén trong việc tiếp cận các thông tin khoa học kỹ thuật và công nghệ mới;

- Tham gia có hiệu quả trong việc thiết kế triển khai, chuyển giao công nghệ, tổ chức sản xuất, nghiên cứu khoa học, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật;

- Thiết lập được mối quan hệ và cộng tác tốt với đồng nghiệp trong lĩnh vực chuyên môn và trong giao tiếp xã hội;

- Thích ứng được với sự thay đổi trong các thời kỳ công nghệ 4.0;

- Có đạo đức, yêu nghề và lương tâm nghề nghiệp;

- Có ý thức tổ chức kỷ luật và tác phong công nghiệp, nghiêm túc, trung thực, cẩn thận,...

- Có tinh thần tự học để nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng giao tiếp.

3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp người học có năng lực đáp ứng các yêu cầu tại các vị trí việc làm của ngành, nghề bao gồm:

- Quản lý, biên tập, xây dựng các chương trình truyền hình, phim điện ảnh, nội dung báo chí tại các đài truyền hình, đài phát thanh, báo mạng, báo in...

- Chuyên viên phát triển website, chuyên viên quản lý trang thông tin điện tử doanh nghiệp; chuyên viên biên tập, quản lý trang báo điện tử; chuyên viên kinh doanh quảng cáo truyền thông; chuyên viên kinh doanh bản quyền nội dung chương trình, phim, kênh phát thanh truyền hình; chuyên viên tư vấn, tổ chức chương trình, sự kiện, quảng bá truyền thông.

4. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học

- Số lượng môn học/mô đun	: 35 môn học/mô đun
- Khối lượng kiến thức, kỹ năng toàn khóa học	: 95 tín chỉ (2.265 giờ)
- Khối lượng các môn học chung/ đại cương	: 435 giờ
- Khối lượng các môn học/mô đun chuyên môn	: 1830 giờ
- Khối lượng lý thuyết	: 734 giờ
- Khối lượng bài tập, thực hành, thực tập	: 1427 giờ
- Giờ kiểm tra	: 104 giờ

5. Tổng hợp các năng lực của ngành, nghề

TT	Mã năng lực	Tên năng lực
I	Năng lực cơ bản (Năng lực chung)	
1	NLCB-01	Giáo dục chính trị
2	NLCB-02	Pháp luật
3	NLCB-03	Giáo dục thể chất
4	NLCB-04	Giáo dục Quốc phòng - An ninh
5	NLCB-05	Tiếng Anh
6	NLCB-06	Tin học
II	Năng lực cốt lõi (Năng lực chuyên môn)	
7	NLCL-01	Cơ sở văn hoá Việt Nam
8	NLCL-02	Lý thuyết truyền thông
9	NLCL-03	Tiếng việt thực hành
10	NLCL-04	Văn bản và Kỹ thuật soạn thảo văn bản
11	NLCL-05	Kỹ thuật nhiếp ảnh và ghi hình cơ bản
12	NLCL-06	Kỹ năng giao tiếp và truyền thông
13	NLCL-07	Marketing căn bản
14	NLCL-08	Truyền thông đa phương tiện
15	NLCL-09	Kỹ thuật xử lý ảnh và thiết kế đồ hoạ
16	NLCL-10	Pháp luật và đạo đức báo chí truyền thông
17	NLCL-11	Công chúng truyền thông

18	NLCL-12	Báo chí và truyền thông trực tuyến
19	NLCL-13	Ngôn ngữ báo chí truyền thông
20	NLCL-14	Nghiên cứu truyền thông
21	NLCL-15	Tổ chức sản xuất các sản phẩm truyền thông
22	NLCL-16	Quảng cáo
23	NLCL-17	Truyền thông xã hội và mạng xã hội
24	NLCL-18	Quản trị nội dung Website
25	NLCL-19	Kỹ thuật phát thanh và truyền hình
26	NLCL-20	Tổ chức ảnh trên các sản phẩm truyền thông
27	NLCL-21	Tổ chức sự kiện và lễ hội
28	NLCL-22	Quản trị khủng hoảng báo chí và truyền thông
29	NLCL-23	Tâm lý học truyền thông
III Năng lực nâng cao		
30	NLNC-01	Kỹ năng đàm phán
31	NLNC-02	Ngoại giao văn hoá
32	NLNC-03	Xây dựng và quản trị thương hiệu
33	NLNC-04	Dẫn chương trình
34	NLNC-05	Thực tập tốt nghiệp
35	NLNC-06	Khóa luận tốt nghiệp

6. Nội dung chương trình

Mã MH/MĐ	Tên môn học/mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ TT/TN /BT/TL	Thi/ Kiểm tra
I	Các môn học chung					
MH01	Giáo dục chính trị	5	75	41	29	5
MH02	Pháp luật	2	30	18	10	2
MH03	Giáo dục thể chất	2	60	5	51	4
MH04	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	3	75	36	35	4
MH05	Tiếng anh	4	120	42	72	6
MH06	Tin học	3	75	15	58	2
Tổng		19	435	157	255	23
II	Các môn học, mô đun chuyên môn					
II.1	Các mô học, mô đun cơ sở					
MH07	Cơ sở văn hoá Việt Nam	3	45	43	0	2
MĐ01	Lý thuyết truyền thông	3	60	28	29	3
MĐ02	Tiếng việt thực hành	2	45	15	28	2
MĐ03	Văn bản và Kỹ thuật soạn thảo văn bản	2	45	15	28	2
MĐ04	Kỹ thuật nhiếp ảnh và ghi hình	4	105	14	85	6

	cơ bản					
MĐ05	Kỹ năng giao tiếp và truyền thông	2	45	15	28	2
MĐ06	Marketing căn bản	2	45	15	28	2
Tổng		18	390	145	226	19
II.2	Môn học, mô đun chuyên môn					
MĐ07	Truyền thông đa phương tiện	2	45	15	28	2
MĐ08	Kỹ thuật xử lý ảnh và thiết kế đồ hoạ	3	75	15	55	5
MH08	Pháp luật và đạo đức báo chí truyền thông	2	30	28	0	2
MĐ09	Công chúng truyền thông	2	45	15	28	2
MĐ10	Báo chí và truyền thông trực tuyến	3	60	28	29	3
MĐ11	Ngôn ngữ báo chí truyền thông	2	45	15	28	2
MĐ12	Nghiên cứu truyền thông	2	45	15	28	2
MĐ13	Tổ chức sản xuất các sản phẩm truyền thông	4	90	29	55	6
MĐ14	Quảng cáo	4	90	29	55	6
MĐ15	Truyền thông xã hội và mạng xã hội	2	45	15	28	2
MĐ16	Quản trị nội dung Website	3	60	28	29	3
MĐ17	Kỹ thuật phát thanh và truyền hình	3	60	28	29	3
MĐ18	Tổ chức ảnh trên các sản phẩm truyền thông	2	45	15	28	2
MĐ19	Tổ chức sự kiện và lễ hội	2	45	15	28	2
MH09	Quản trị khủng hoảng báo chí và truyền thông	3	45	43	0	2
MH10	Tâm lý học truyền thông	3	45	43	0	2
Tổng		42	870	376	448	46
2.3	Môn học/Mô đun chuyên môn tự chọn (chọn 2/4 môn học/mô đun)					
MĐ 20	Kỹ năng đàm phán	3	60	28	29	3
MĐ 21	Ngoại giao văn hoá	3	60	28	29	3
MĐ 22	Xây dựng và quản trị thương hiệu	3	60	28	29	3
MĐ 23	Dẫn chương trình	3	60	28	29	3
Tổng		6	120	56	58	6
MĐ 24	Thực tập tốt nghiệp	5	225	0	225	0
MĐ 25	Khóa luận tốt nghiệp	5	225	0	215	10

Tổng	10	450	0	440	10
Tổng cộng toàn khóa	95	2265	734	1427	104

7. Hướng dẫn sử dụng chương trình

7.1. Các môn học chung nhà trường

Đối với Xây dựng thời gian đào tạo 06 môn học chung, Nhà trường đã xây dựng và áp dụng đối với trình độ cao đẳng theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Cụ thể:

- + Thông tư số 03/2019/TT-BLĐTBXH ngày 17/01/2019 Ban hành Chương trình môn học Tiếng Anh;
- + Thông tư số 24/2018/TT-BLĐTBXH ngày 06/12/2018 Ban hành Chương trình môn học Giáo dục chính trị;
- + Thông tư số 13/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/09/2018 Ban hành Chương trình môn học Pháp luật;
- + Thông tư số 12/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/09/2018 Ban hành Chương trình môn học Giáo dục thể chất;
- + Thông tư số 11/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/09/2018 Ban hành Chương trình môn học Tin học;
- + Thông tư số 10/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/09/2018 Quy định Chương trình, tổ chức dạy học và đánh giá kết quả học tập môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh.

7.2. Xác định nội dung và thời gian dành cho khóa học

* Thực hiện nội dung chương trình theo Thông tư số 01/2024/TT-BLĐTBXH ngày 19/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội Quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn lựa chọn, thẩm định, duyệt và sử dụng giáo trình trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

* Hướng dẫn thực hiện quy định về giờ học:

- 1 giờ học lý thuyết = 45 phút
- 1 giờ học thực hành/tích hợp = 60 phút
- 1 tín chỉ lý thuyết = 15 giờ
- 1 tín chỉ thực hành (tại phòng thực hành, thảo luận...) = 30 giờ
- 1 tín chỉ thực tập, làm tiểu luận, bài tập lớn, đồ án, khóa luận tốt nghiệp = 45 giờ.

Một ngày học thực hành/tích hợp không quá 8 giờ. Một ngày học lý thuyết không quá 6 giờ. Mỗi tuần học không quá 40 giờ thực hành/ tích hợp hoặc 30 giờ lý thuyết.

* Tổ chức dạy/học lý thuyết và thực hành cơ bản/ cơ sở được tiến hành tại trường, thực tập thực tế ngành được tiến hành tại các cơ sở ngoài trường.

* Những nội dung khác thực hiện theo Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/03/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và xã hội Quy định về việc tổ chức đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ.

* Sau mỗi khóa học, Nhà trường sẽ lấy ý kiến người học, người sử dụng nguồn nhân lực Công nghệ truyền thông do Trường đào tạo để làm cơ sở cho việc điều chỉnh đề cương chi tiết môn học/ học phần.

7.3. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra và cách tính điểm

Xuất phát từ mục tiêu đào tạo nhân viên Công nghệ truyền thông, kiểm tra đánh giá chất lượng, hiệu quả dạy học sẽ chuyển từ kiểm tra đánh giá lĩnh hội khái niệm sang kiểm tra đánh giá quá trình nhận thức thể hiện ở sự hiểu và khả năng vận dụng kiến thức cơ bản vào thực tiễn. Đồng thời kiểm tra hệ thống kỹ năng cần thiết, kiểm tra nhận thức, thái độ và góp phần phát triển tình cảm nghề nghiệp ở sinh viên.

* **Cách tính điểm TBC kiểm tra:** trọng số 0,4. Trong đó:

(1). Điểm kiểm tra thường xuyên: Hệ số 1

(2). Điểm kiểm tra định kỳ: Hệ số 2

Điểm TBC bộ phận (Trọng số 0,4) = [(Điểm kiểm tra thường xuyên x Hệ số 1) + (Điểm kiểm tra định kỳ x Hệ số 2)]/tổng hệ số.

* **Điểm thi kết thúc học phần:** Trọng số 0,6

Ghi chú: Sinh viên được dự thi kết thúc môn học, khi bảo đảm các điều kiện sau:

Tham dự ít nhất 80% thời gian học lý thuyết và đầy đủ các bài học tích hợp, bài học thực hành, thực tập và các yêu cầu của môn học;

Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra đạt từ 5,0 điểm trở lên theo thang điểm 10.

7.4. Hướng dẫn xét công nhận tốt nghiệp

Thực hiện theo Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/03/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và xã hội Quy định về việc tổ chức đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ.

Sinh viên phải học hết chương trình đào tạo ngành Công nghệ truyền thông và tích lũy đủ số tín chỉ trong chương trình.

Căn cứ vào kết quả tích lũy tín chỉ của sinh viên, Nhà trường xét đủ điều kiện quyết định công nhận tốt nghiệp cho sinh viên.

Căn cứ vào kết quả hoàn thành chương trình của sinh viên, Nhà trường xét đủ điều kiện quyết định công nhận tốt nghiệp cho sinh viên. Căn cứ vào kết quả xét công nhận tốt nghiệp, Nhà trường cấp bằng tốt nghiệp Cử nhân thực hành ngành Công nghệ truyền thông theo quy định tại Văn bản số 2513/VBHN-BLĐTBXH ngày 03/08/2021 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội quy định về mẫu bằng tốt nghiệp Trung cấp, Cao đẳng; in, quản lý, cấp phát, thu hồi, hủy bỏ bằng tốt nghiệp Trung cấp và Cao đẳng; và các thông tư bổ sung, sửa đổi (nếu có).



HIỆU TRƯỞNG

ThS. Vũ Thị Phụng



TRƯỜNG CAO ĐẲNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ ĐỒ MỐI LIÊN HỆ VÀ TIẾN TRÌNH ĐÀO TẠO CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Mã ngành: Công nghệ truyền thông

Mã ngành: 6320105

Trình độ: Cao đẳng



